

**SAO KÊ TÀI KHOẢN**  
**ACCOUNT STATEMENT**

Tên tài khoản/Account name: CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Ngày thực hiện/ Date: 27/07/2023

Số tài khoản/Account number: 0721005104420

Chi nhánh thực hiện/ Branch: VCB KY DONG-TRU SO CN

Loại tài khoản/Type of Account: Tài khoản 1 chủ sở hữu/ Sole owner account

Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản/ Number of Joint account holder (nếu có):

Địa chỉ/ Address: 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THUDUC,TPHCM

CMND/CCCD/Hộ chiếu số 0309391503

ID/Citizen ID/PP No:

CIF: 4202353

Loại tiền/Currency: VND

Từ/ From: 01/07/2021 Đến/ To: 31/12/2021

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 1.655.179.048

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	01/07/2021 1.72	999.461.570		655.717.478	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TAT TOAN HD SO : KG 25.6/ HDMB
2	01/07/2021 5009.69261		13.458.065	669.175.543	SHGD:10022841.DD:210701.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TITH theo bang ke chi tiet ngay 01.07.2021 (Ma NCC : 50904)
3	05/07/2021 7.62	200.000.000		469.175.543	CHQ WITHDRAWALRUT SEC BK 676474// DNAG XUAN NGOC 024 665 965 HCM 21.03.07
4	05/07/2021 7.78	26.153		469.149.390	THU PHI CT BT 007.73/05.07.21
5	05/07/2021 7.73	95.101.200		374.048.190	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT DON 03.07
6	05/07/2021 7.70	64.501.540		309.546.650	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT DON NGAY 03.07
7	05/07/2021 5009.69211		122.656.078	432.202.728	SHGD:10002574.DD:210705.BO:CONG TY TNHH DICH VU EB.Remark:AB/20T.AB/20T.AB/20T.44 5.49942.489.494.492.480.493.495.479.472 .490.0471.476.549.550.742.440.551.469.4 81.474.478.470.482.741.745.540.473.477. 744.747.475.743.746.990.740.908.1037.90 9.902.1035.992.1170.9
8	08/07/2021 7.25	363.904.200		68.298.528	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT DON HANG 6/7

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
9	08/07/2021 7.20	14.861.000		53.437.528	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM // TT PHI THOA THUAN THUONG MAI 2021
10	08/07/2021 9920.19		4.215.117	57.652.645	//SAL2021189S007005143001//0041.001 1 0013 08.07.21 CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU TT TIEN HANG LS1474 TT INV 05 06 2021
11	08/07/2021 5009.50079		10.656.513	68.309.158	SHGD:10000926.DD:210708.BO:CTY TNHH MTV THUC PHAM SAI GON BAO MINH.Remark:CTY TNHH MTV THUC PHAM SAI GON BAO MINH-0314098525-BAO MINH TT TIEN HANG CF NVD HD 579-1852 NQ HD 774-1200-1950 NVC HD 580-1557 PVC HD 1558-
12	09/07/2021 5078.99893		2.074.564	70.383.722	IBVCB.1238659001.LOCAL FOOD TT DON HANG SO HD 0002393.CT tu 0071002381800 NGUYEN XUAN HUU toi0721005104420 CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
13	12/07/2021 5009.43573		5.493.568	75.877.290	SHGD:10004757.DD:210712.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90225005820B2SC 090225005820B2SC0 ChargeDetails OUR
14	12/07/2021 4.171		4.364.756	80.242.046	TTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
15	12/07/2021 5130.14358		147.380.937	227.622.983	/Ref:PATTM10NLI F {/}/Ref:PATTM10NLI F{/} TT VNM10NLI F N BATCH:M2.3-A1-10.07.2021PAYMEN T:8217000050803VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
16	13/07/2021 10.54	11.000		227.611.983	THU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 13 NGAY 13.07.2021
17	13/07/2021 5009.31232		68.471.751	296.083.734	SHGD:17067248.DD:210713.BO:CN TCTy TMSG-TNHH MTV-TTđH CHTL SATRAFOODS.Remark:SATRAFOOD S THANH TOAN TIEN HANG T5.2021 CHO CTY TNHH MTV THUONG MAI VA DỊCH VỤ NGOC THOM (VD 426) PHI TRONG
18	13/07/2021 1.105	200.000.000		96.083.734	CHQ WITHDRAWALDANG XUAN NGOC 024 665 965 HCM 21.03.2007 RUT SEC BK 676475
19	13/07/2021 5101.5676		9.581.997	105.665.731	Sender:01307001.DD:130721.SHGD:100 05494.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV 05+06/2021

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
20	14/07/2021 9920.4		635.737.024	741.402.755	IBVCB.202107145087051396.4.21201557 -THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 13/07/2021
21	14/07/2021 5009.22186		3.539.451	744.942.206	SHGD:10018407.DD:210714.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTH Theo Bang Ke Chi Tiet Ngay 14.07.2021 (Ma NCC : 50904)
22	14/07/2021 5017.30801		1.508.496	746.450.702	021503.140721.172907.CTY HNT TT HD 0005407 NGOC THOM
23	15/07/2021 6.6	200.000.000		546.450.702	CHQ WITHDRAWALDANG XUAN NGOC- 024665965- 21.3.2007 HCM
24	15/07/2021 6.35	185.801.082		360.649.620	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- THANH TOAN TIEN HANGT6
25	15/07/2021 6.32	137.648.878		223.000.742	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM-TT DON 10.7 VA14.7
26	15/07/2021 6.29	115.627.189		107.373.553	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- THANH TOAN DON 13.7
27	15/07/2021 6.26	77.828.856		29.544.697	CHUYEN KHOAN+BHXH+103+00+TU1428U+07 903+dong BHXH+THANG 6&7/2021
28	15/07/2021 5009.90866		1.867.295.652	1.896.840.349	SHGD:10016807.DD:210715.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 085479 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
29	15/07/2021 5009.90880		628.188.356	2.525.028.705	SHGD:10016809.DD:210715.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 082125 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
30	15/07/2021 5009.90987		878.207.469	3.403.236.174	SHGD:10016696.DD:210715.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 074606 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
31	15/07/2021 5009.13371		62.810.704	3.466.046.878	SHGD:10008330.DD:210715.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM10034H N 1532.1535.1381.1536.1533.1534.1537.171 2.1874.1713.1768.1705.1766.1710.1927.1 922.1707.1704.1700.1703.1767.1926.1924 .1925.1708.1923.1706.1930. TK DVH TAI VCB

10/2/2021

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
32	15/07/2021 5101.7582		206.695.356	3.672.742.234	Sender:79636001.DD:150721.SHGD:100 01289.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.TT TIEN HANG V002188 DS T4/21 AP01
33	15/07/2021 5017.21031		35.682.449	3.708.424.683	372222.150721.163907.jmart thanh toan hd491 1325 1511 1685 2249 2250 3052 3710 cho ngọc thom
34	16/07/2021 1.26	1.500.011.000		2.208.413.683	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TT TIEN HANG T6/2021
35	16/07/2021 1.22	603.289.189		1.605.124.494	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TT TIEN HANG T6/2021
36	16/07/2021 5017.82376		477.281	1.605.601.775	335928.160721.102441.CTY HNT TT HD 0005410 NGOC THOM
37	16/07/2021 1.19	23.841.824		1.581.759.951	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TT PHI LUU KHO T6 SO HD 819
38	16/07/2021 1.97	360.516.000		1.221.243.951	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TT HD 07 NT-CHUSHIN
39	16/07/2021 1.105	946.377.610		274.866.341	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TT HD 04,05 NT-CHUSHIN NGAY 15/09/2018
40	16/07/2021 5101.4153		71.252.344	346.118.685	Sender:79636001.DD:160721.SHGD:100 00635.BO:CONG TY TNHH MTV HOI NHAP PHAT TRIEN DONG HUNG.TT TIEN HANG V002188 DS T11/20 AP01
41	16/07/2021 5009.99325		8.511.426	354.630.111	SHGD:10001691.DD:210716.BO:CONG TY TNHH DICH VU EB.Remark:1928.1963.1702.1921.1161
42	16/07/2021 14.61	2.717.505		351.912.606	CHUYEN KHOAN16/07/2021+USD40,951.00+Fee :USD117.59+PAYMENT FOR CONT NO. 04 NT CHUSHIN,05NT CHUSHIN +F/O:CHUSHIN SHOJI CO LTD JAPAN , Phi:USD 106.90, NoiDung:PAYMENT FOR CONT NO. 04 NT CHUSHIN,05NT CHUSHIN
43	16/07/2021 14.65	1.428.660		350.483.946	CHUYEN KHOAN16/07/2021+USD15,600.00+Fee :USD61.82+PAYMENT FOR CONT NO. 07 NT CHUSHIN +F/O:CHUSHIN SHOJI CO LTD JAPAN , Phi:USD 56.20, NoiDung:PAYMENT FOR CONT NO. 07 NT CHUSHIN
44	17/07/2021 5056.14512		2.000.000.000	2.350.483.946	IBVCB.1707210696400003.THU HANG THANH TOAN TIEN MUA HANG NGOC THOM T6 SO HOA DON 4205

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
45	19/07/2021 1.40	2.146.022.699		204.461.247	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM/ TT TIEN HANG T6/2021
46	20/07/2021 7.54		1.200.000.000	1.404.461.247	DANG XUAN NGOC NT
47	20/07/2021 7.49	140.807.400		1.263.653.847	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT DON HANG NGAY 17/7
48	20/07/2021 9920.25		1.086.131.161	2.349.785.008	IBVCB.202107205087054206.25.2120163 9-THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 19/07/2021
49	21/07/2021 7.160	15.403.070		2.334.381.938	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT TIEN HANG 21.07
50	21/07/2021 7.176	52.020.900		2.282.361.038	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT DON HANG NGAY 21.07
51	21/07/2021 7.202	1.000.011.000		1.282.350.038	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT TIEN HANG T6/2021
52	22/07/2021 5009.34662		1.849.464	1.284.199.502	SHGD:10000621.DD:210722.BO:CTY TNHH MTV THUC PHAM SAI GON SONG NGUYEN.Remark:HBCTY SONG NGUYEN TT TIEN HANG CTY NGOC THOM HD NGAY 240221 2 HD 44230 44243
53	22/07/2021 5056.1052		728.439.872	2.012.639.374	IBVCB.2207210946442001.THU HANG THANH TOAN HD SO 4205
54	22/07/2021 10.218	813.916.850		1.198.722.524	TRANSFERTAT TOAN TKV 1020674665
55	23/07/2021 1.211		2.517.230	1.201.239.754	SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
56	23/07/2021 7.147	600.000.000		601.239.754	CHQ WITHDRAWALRUT SEC BK 676477/// DANG XUAN NGOC 024 665 965 HCM 21.03.07
57	23/07/2021 7.145	500.011.000		101.228.754	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM UNG TIEN HANG T7/2021
58	23/07/2021 7.142	29.420.900		71.807.854	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT DON HANG 23.07
59	23/07/2021 5101.4971		4.022.938	75.830.792	Sender:79307005.DD:230721.SHGD:100 10590.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV 06+07/2021
60	23/07/2021 5017.30472		122.325.809	198.156.601	846463.230721.154825.Tmart TT tien hang
61	25/07/2021 9401.0012468207	22.000		198.134.601	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
62	25/07/2021 9702.0012468207		203.154	198.337.755	INTEREST PAYMENT

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
63	26/07/2021 5009.32505		1.513.356.539	1.711.694.294	SHGD:10029624.DD:210726.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 087439 VINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
64	26/07/2021 5009.32796		433.816.695	2.145.510.989	SHGD:10030117.DD:210726.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 090808 VINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
65	26/07/2021 5130.32237		154.480.669	2.299.991.658	/Ref:PATTM10P8BD {//}/Ref:PATTM10P8BD{//}TT VNM10P8BD N BATCH:M2A1-24.07.2021PAYMENT:8 117000046221VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
66	26/07/2021 5009.55503		16.611.557	2.316.603.215	SHGD:10001382.DD:210726.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN JUN 21
67	26/07/2021 5017.1711		5.864.445	2.322.467.660	860087.260721.163120.CTY HNT TT HD 0005899 0005902 NGOC THOM
68	26/07/2021 9908.91876	16.247.945		2.306.219.715	THU NO TK VAY 1020779206
69	26/07/2021 9908.95641	8.557.499		2.297.662.216	THU NO TK VAY 1021009219
70	26/07/2021 9908.95760	6.967.847		2.290.694.369	THU NO TK VAY 1021009287
71	26/07/2021 9908.40380	2.772.603		2.287.921.766	THU NO TK VAY 1022042603
72	26/07/2021 9908.18035	7.583.878		2.280.337.888	THU NO TK VAY 1021657530
73	26/07/2021 9908.47796	11.205.480		2.269.132.408	THU NO TK VAY 1019630316
74	26/07/2021 9908.11183	11.127.273		2.258.005.135	THU NO TK VAY 1021729065
75	26/07/2021 9908.93570	7.283.562		2.250.721.573	THU NO TK VAY 1021767665
76	26/07/2021 9908.5965	12.326.027		2.238.395.546	THU NO TK VAY 1020747996
77	27/07/2021 12.9		22.195.414	2.260.590.960	TTTTM SATRA D.P.HUNG- TT NCC VD 426 GOM 9 HD 43748 DEN 3039 T12-Q1/21
78	27/07/2021 6.159	256.820.607		2.003.770.353	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- THANH TOAN don hang 27/7
79	27/07/2021 6.155	226.909.383		1.776.860.970	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- THANH TOAN HD SO 215

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE,  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
80	27/07/2021 6.152	300.082.500		1.476.778.470	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- DAT COC HD SO 2607/2021 HDMB
81	27/07/2021 6.144	500.011.000		976.767.470	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- TT TIEN HANG - T7.21
82	27/07/2021 6.174	268.341.774		708.425.696	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- THANH TOAN TIEN HANG
83	28/07/2021 5101.1011		5.223.006	713.648.702	Sender:79307005.DD:280721.SHGD:100 00681.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV06+07/2021
84	28/07/2021 5009.34081		11.038.551	724.687.253	SHGD:10000158.DD:210728.BO:CTY TNHH KD THUONG MAI VA DV SUNSHINE MART.Remark:--TRA TIEN CHO CT NGOC THOM TIEN HANG T6/2021 (HD0002341, 0002572, 0002826, 0003686, 0003837)-
85	28/07/2021 6.106	197.175.008		527.512.245	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- TT TIEN HANG T7.21
86	28/07/2021 6.112	7.144.236		520.368.009	CHUYEN KHOAN+BHXH+103+00+TU1428U+07 903+dong BHXH+
87	29/07/2021 5009.79401		8.829.525	529.197.534	SHGD:10002864.DD:210729.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTT theo bang ke chi tiet ngay 28.07.2021 (Ma NCC : 50904)
88	30/07/2021 5009.62556		71.329.557	600.527.091	SHGD:10002682.DD:210730.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040621073090386)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0003955,0003958,0003949,0003957,0003 956,0003803,0003812,0003596,0003602,0 003605,0003601,0003597,0003222,00031 06,0003105,0003104,0003103,000282
89	30/07/2021 5009.74826		29.836.054	630.363.145	SHGD:10001648.DD:210730.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90085005820B1SC 090085005820B1SC0 ChargeDetails OUR
90	02/08/2021 5017.63224		69.804.298	700.167.443	872591.020821.134734.Tmart TT tien hang
91	03/08/2021 4.107	400.000.000		300.167.443	CHQ WITHDRAWALRUT SEC BK 676478.NN DANG XUAN NGOC 024665965 HCM 21.03.2007
92	03/08/2021 4.137	270.606.300		29.561.143	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// tt hang

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
93	03/08/2021 5009.47234		10.649.001	40.210.144	SHGD:17522824.DD:210803.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD-426, TTHD 1742,2179
94	04/08/2021 4.42		6.090.524	46.300.668	TTTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
95	04/08/2021 5101.2578		12.408.975	58.709.643	Sender:79307005.DD:040821.SHGD:100 08495.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV06+07/2021
96	05/08/2021 5009.71913		203.634.237	262.343.880	SHGD:10004174.DD:210805.BO:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM10QIMK N AB/20T.AB/20T.AB/20T.2228.2308.222 9.2223.2279.2307.NT/21E2225.2220.2224 .2280.2309.2287.2218.2217.2410.2405.22 16.2227.2215.2221.2408.2406.256 TK DVH TAI VCB
97	10/08/2021 5009.7640		11.561.465	273.905.345	SHGD:10008384.DD:210810.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90194005820B2SC 090194005820B2SC0 ChargeDetails OUR
98	10/08/2021 5130.38659		125.696.458	399.601.803	/Ref:PATTM10QXAR {//}/Ref:PATTM10QXAR{//}TT VNM10QXAR N BATCH:M2.3-A1-10.08.2021PAYMEN T:8117000046725VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
99	11/08/2021 6.9	110.000.000		289.601.803	CHQ WITHDRAWALDANG XUAN NGOC - 024665965-21.3.2007 HCM
100	11/08/2021 6.17	60.463.700		229.138.103	B/O CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- TT TIEN HANG
101	11/08/2021 6.45	172.713.289		56.424.814	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- THANH TOAN TIEN HANG -
102	11/08/2021 6.91	1.406.466		55.018.348	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- TT HD SO 284
103	11/08/2021 6.104	36.650.012		18.368.336	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM- TT HD SO 920
104	11/08/2021 6.208	44.000		18.324.336	2Q BM 754651-754670- DANG XUAN NGOC 024665165 21.3.2007 HCM
105	12/08/2021 5101.1027		2.352.552	20.676.888	Sender:79307005.DD:120821.SHGD:100 01852.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV7+8/2021

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
106	16/08/2021 5017.61626		2.321.355	22.998.243	222975.160821.092649.CTY HNT TT HD 0006683 NGOC THOM
107	16/08/2021 5009.72881		2.036.898.033	2.059.896.276	SHGD:10031519.DD:210816.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 092375 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
108	16/08/2021 5009.73050		1.495.400.120	3.555.296.396	SHGD:10031756.DD:210816.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 099398 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
109	16/08/2021 5009.73052		1.903.642.098	5.458.938.494	SHGD:10031597.DD:210816.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 098659 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
110	16/08/2021 5009.1706		121.875.512	5.580.814.006	SHGD:10007854.DD:210816.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM10RHNN N 3653.3654.3753.3751.3658.3746.3750.374 9.3656.3657.3599.3606.3745.4123.4115.3 747.3743.3655.3741.3738.3755.3748.3754 .3920.4200.3823.3583.3744. TK DVH TAI VCB
111	17/08/2021 4.27	1.000.000.000		4.580.814.006	CHQ WITHDRAWALRUT SEC BK 676480.NN DANG XUAN NGOC 024665965 HCM 21.03.2007
112	17/08/2021 4.39	206.999.950		4.373.814.056	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT TIEN HANG
113	17/08/2021 4.43	1.000.011.000		3.373.803.056	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT TIEN HANG T7
114	17/08/2021 4.69	598.888.649		2.774.914.407	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT TIEN HANG
115	17/08/2021 4.46	214.128.338		2.560.786.069	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT TIEN HANG
116	17/08/2021 4.66	13.578.071		2.547.207.998	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM//tt tien hang
117	17/08/2021 4.79	589.900.159		1.957.307.839	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// tt tien hang
118	18/08/2021 4.109	20.699.113		1.936.608.726	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT 06,07
119	18/08/2021 4.112	599.643.956		1.336.964.770	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// DAT COC 30%HD
120	18/08/2021 4.115	8.455.920		1.328.508.850	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT PHI VC T06

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No.	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
121	18/08/2021 4.143	1.194.552.103		133.956.742	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT 80% HD 13955 N06.05.2021
122	18/08/2021 4.155	10.316.372		123.640.370	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TTHD 0001445
123	18/08/2021 5101.2585		140.000.000	263.640.370	Sender:01314007.DD:180821.SHGD:100 02061.BO:CTY TNHH TRUONG THINH PHUNG XA, MYDUC, HA NOI TEL: 0433..TRUONG THINH TRA TIEN MAY SAY CHO NGOC THOM
124	18/08/2021 18.53	3.258.583		260.381.787	CHUYEN KHOAN18/08/2021+USD52,095.60+Fee :USD142.11+ADVANCE PAYMENT FOR CONT NO 139551 +F/O:NOWACO A/S , Phi:USD 129.19, NoiDung:ADVANCE PAYMENT FOR CONT NO 139551
125	19/08/2021 10.241	1.685.947		258.695.840	CHUYEN KHOAN19/08/2021+USD30,947.91+Fee :USD73.59+PMT FOR INV DD 08 JUL 2021 CTR NO. AQ 19 DD 02 JUN 2021 +F/O:ARGO QUEEN SP Z O. O. UL.PODJAZD 1/2, 81-805 SOPOT POLAND, Phi:USD 66.90, NoiDung:PMT FOR INV DD 08 JUL 2021 CTR NO. AQ 19 DD 02 JUN 2021
126	20/08/2021 5009.7063		7.950.181	266.646.021	SHGD:10000363.DD:210820.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSANH DIEU HN THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM HD4613/5417
127	20/08/2021 4.57	200.000.000		66.646.021	CHQ WITHDRAWALRUT SEC BM 754651.NN DANG XUAN NGOC 024665965 HCM 21.03.2007
128	20/08/2021 4.102		599.400.000	666.046.021	IBPS/SE:01201004.DD:180821.SH:10002 918.TC:0004.112.dd 180821 MSGNO: CO210818461886 BO:VIETINBANK CN TP HO CHI MINH.CHUYEN TRA LCC: 10006519 18/08/2021 DO SAI NHH
129	20/08/2021 4.119	599.643.956		66.402.065	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// DAT COC 30% HD
130	20/08/2021 5009.54299		49.466.318	115.868.383	SHGD:17886959.DD:210820.BO:CN TCTy TMSG-TNHH MTV-TTđH CHTL SATRAFOODS.Remark:SATRAFOOD S TT TIEN HANG THEO T6.2021 LAN 1 CHO CTY NGOC THOM (VD 426) PHI TRONG

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
131	20/08/2021 9920.10		1.501.359.470	1.617.227.853	IBVCB.202108205087072537.10.2120249 8-THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 19/08/2021
132	22/08/2021 5017.11009		45.896.092	1.663.123.945	461841.220821.143754.MEKONG THANH TOAN CONG NO CTY NGOC THOM
133	23/08/2021 7.6	1.500.011.000		163.112.945	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM // TT TIEN HANG T7
134	24/08/2021 5130.14684		207.380.118	370.493.063	/Ref:PATTM10SDJJ {//}/Ref:PATTM10SDJJ{//} TT VNM10SDJJ N BATCH:M2A1-24.08.2021PAYMENT:8 417000008860VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
135	24/08/2021 5101.2200		13.977.783	384.470.846	Sender:01307001.DD:240821.SHGD:100 01295.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.HBLS1474 TT INV7+8/2021
136	25/08/2021 5009.32209		9.178.378	393.649.224	SHGD:10001752.DD:210825.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTH theo bang ke chi tiet ngay 24.08.2021 (Ma NCC : 50904)
137	25/08/2021 5009.44379		10.618.722	404.267.946	SHGD:10000054.DD:210825.BO:CTY TNHH KD TM VA DV SUNSHINE MART.Remark:-TRA TIEN HANG T07/2021 (HD 0004215,0004684,0005156,0005652,0005 944,0005995) BU TRU HD XT907,1042,1893,2418=1.693.696D-
138	25/08/2021 5009.83120		252.841.347	657.109.293	SHGD:10012666.DD:210825.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 104548 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
139	25/08/2021 5009.83541		210.367.715	867.477.008	SHGD:10012712.DD:210825.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 104863 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
140	25/08/2021 5009.83542		296.737.438	1.164.214.446	SHGD:10012505.DD:210825.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 104857 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606
141	25/08/2021 5009.83555		413.457.100	1.577.671.546	SHGD:10012754.DD:210825.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 104197 VINCOMMERCE TTTHST CHO NCC 2003606

11/08/2021 10:10:10

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
142	25/08/2021 5009.83562		733.550.528	2.311.222.074	SHGD:10012371.DD:210825.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 104900 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
143	25/08/2021 9408.0012468207	22.000		2.311.200.074	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
144	25/08/2021 9709.0012468207		121.642	2.311.321.716	INTEREST PAYMENT
145	26/08/2021 5009.32966		36.396.862	2.347.718.578	SHGD:10000232.DD:210826.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN JUL 21
146	26/08/2021 7.96	1.053.589.136		1.294.129.442	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT HD SO 720 VA DAT COC HD 2508
147	26/08/2021 7.93	50.158.755		1.243.970.687	CHUYEN KHOANCT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM TT TIEN HANG
148	26/08/2021 9908.6549	12.838.356		1.231.132.331	THU NO TK VAY 1020747996
149	26/08/2021 9908.17540	8.913.189		1.222.219.142	THU NO TK VAY 1021009219
150	26/08/2021 9908.17703	7.257.465		1.214.961.677	THU NO TK VAY 1021009287
151	26/08/2021 9908.58244	11.671.233		1.203.290.444	THU NO TK VAY 1019630316
152	26/08/2021 9908.63788	16.923.288		1.186.367.156	THU NO TK VAY 1020779206
153	26/08/2021 9908.4744	10.441.009		1.175.926.147	THU NO TK VAY 1021729065
154	26/08/2021 9908.82399	7.586.301		1.168.339.846	THU NO TK VAY 1021767665
155	26/08/2021 9908.64103	6.419.178		1.161.920.668	THU NO TK VAY 1022042603
156	26/08/2021 9908.3933	6.474.413		1.155.446.255	THU NO TK VAY 1021657530
157	30/08/2021 5009.9161		22.532.483	1.177.978.738	SHGD:10000744.DD:210830.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90024005820B1SC 090024005820B1SC0 ChargeDetails OUR
158	30/08/2021 5009.44396		47.648.832	1.225.627.570	SHGD:10004851.DD:210830.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040621083033078)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0004465,0005961,0005200,0005574,0004 464,0004501,0005133,0005135, (NHH: VIETCOMBANK KY DONG-)
159	01/09/2021 5058.53711	117.010.020		1.108.617.550	IBVCB.0109210985352001.TAT TOAN CONG NO T8-2021

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
160	04/09/2021 5056.71074	750.007.700		358.609.850	IBVCB.0409210918444001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
161	06/09/2021 5056.94038	150.007.700		208.602.150	IBVCB.0609210084184001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
162	07/09/2021 5009.42391		76.451.809	285.053.959	SHGD:10001391.DD:210907.BO:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM10TNMV N AB/20T.AB/20T.AB/20T.4348.4494.448 9.4488.4490.4686.4491.4547.4493.4492.4 496.4495.5405.4685.4544.4543.4687.5413 .5388.5397.5399.5391.5390.5389 TK DVH TAI VCB
163	08/09/2021 5009.6038		6.179.993	291.233.952	SHGD:10001668.DD:210908.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTH theo bang ke chi tiet ngay 07.09.2021 (Ma NCC : 50904)
164	08/09/2021 5056.30632	57.346.500		233.887.452	IBVCB.0809210370524001.thanh toan don hang 4/9
165	08/09/2021 5058.31533	100.158.840		133.728.612	IBVCB.0809210677060002.THANH TOAN TIEN HANG 3 DON
166	10/09/2021 5130.47279		154.929.132	288.657.744	/Ref:PATM10U6U4{/}/Ref:PATM10U6U4{/}TT VNM10U6U4 N BATCH:M2.3-A1-10.09.2021PAYMEN T:8217000051963VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
167	11/09/2021 5058.85304	38.944.900		249.712.844	IBVCB.1109210769730001.THANH TOAN TIEN HANG
168	11/09/2021 5056.83454	74.940.800		174.772.044	IBVCB.1109211022826002.THANH TOAN DON HANG 4/7
169	13/09/2021 5058.97869	52.533.820		122.238.224	IBVCB.1309210135282001.THANH TOAN DON HANG 11/9
170	14/09/2021 5009.51469		17.856.590	140.094.814	SHGD:10018279.DD:210914.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTH theo bang ke chi tiet ngay 14.09.2021 (Ma NCC : 50904)
171	15/09/2021 5056.31159	23.632.700		116.462.114	IBVCB.1509210381988001.thanh toan don hang 14-9
172	15/09/2021 5058.30281	17.320.856		99.141.258	IBVCB.1509210943352002.THANH TOAN HD SO 502 THANG 8
173	15/09/2021 5058.30345	38.472.501		60.668.757	IBVCB.1509210666936003.THANH TOAN HD SO 1128 THANG 8
174	15/09/2021 5058.31516	29.520.900		31.147.857	IBVCB.1509210901984004.THANH TOAN DON HANG 14/9/21.
175	15/09/2021 5058.30592	23.520.900		7.626.957	IBVCB.1509210072508005.THANH TOAN DON HANG 14/9.

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
176	15/09/2021 5130.36109		20.810.364	28.437.321	/Ref:PA_TTM10UJV1 {/}/Ref:PA_TTM10UJV1 {/}/TT VNM10UJV1 N 5983.5982.5981.5985.5984.0039365.0040 366 ĐVC:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
177	15/09/2021 5009.31052		1.321.916.784	1.350.354.105	SHGD:10018265.DD:210915.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 111667 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
178	15/09/2021 5009.31059		1.159.578.905	2.509.933.010	SHGD:10018271.DD:210915.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 111447 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
179	15/09/2021 5009.31063		1.767.084.030	4.277.017.040	SHGD:10018466.DD:210915.BO:CT CP DVTM TH VINCOMMERCE.Remark:AK05002000 109835 VINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
180	16/09/2021 5056.50587	1.500.007.700		2.777.009.340	IBVCB.1609210685624001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
181	16/09/2021 5058.50611	815.377.195		1.961.632.145	IBVCB.1609210855312002.THANH TOAN HD SO 761
182	16/09/2021 5056.51086	500.007.700		1.461.624.445	IBVCB.1609210019504003.thanh toan tien hang thang 8.
183	16/09/2021 5058.51175	381.482.934		1.080.141.511	IBVCB.1609210616564004.NGOC THOM THANH TOAN TIEN HANG.
184	16/09/2021 5058.58231	5.020.900		1.075.120.611	IBVCB.1609210062502005.NGOC THOM DAT COC HOP DONG KHO 2021
185	17/09/2021 5009.98148		9.706.274	1.084.826.885	SHGD:10012472.DD:210917.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBS1474 - TT INV 7+8/2021
186	19/09/2021 5056.93481	500.007.700		584.819.185	IBVCB.1909210796906001.thanh toan tien hang thang 8/2021
187	20/09/2021 5009.77538		21.905.071	606.724.256	SHGD:10001802.DD:210920.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSANH DIEU HN THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM HD6843/6707/6011/6161
188	20/09/2021 5058.9214	195.213.105		411.511.151	IBVCB.2009210754316001.THANH TOAN HD SO 1242
189	20/09/2021 9920.11		858.391.261	1.269.902.412	IBVCB.202109205087089740.11.2120317 6-THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 20/09/2021

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
190	21/09/2021 5009.28657		6.559.256	1.276.461.668	SHGD:10024631.DD:210921.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTT theo bang ke chi tiet ngay 21.09.2021 (Ma NCC : 50904)
191	23/09/2021 5056.62094	300.007.700		976.453.968	IBVCB.2309210328856001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
192	23/09/2021 5017.66057		1.097.674	977.551.642	898376.230921.152748.CTY HNT TT HD 0007432 NGOC THOM
193	23/09/2021 18.221	425.881.800		551.669.842	TTR CONT NO AQ 35
194	23/09/2021 18.235	1.565.682		550.104.160	CHUYEN KHOAN23/09/2021+USD18,630.00+Fee :USD68.49+ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 35 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O , Phi:USD 62.26, NoiDung:ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 35
195	24/09/2021 5009.56332		25.674.028	575.778.188	SHGD:10001744.DD:210924.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN AUG 21
196	24/09/2021 5017.99948		103.548.333	679.326.521	353198.240921.160021.Tmart tt ngoc thom
197	24/09/2021 5058.92089	107.301.520		572.025.001	IBVCB.2409210625070001.THANH TOAN HD SO 1248
198	25/09/2021 5056.96461	500.007.700		72.017.301	IBVCB.2509210962126001.thanh toan tien hang thang 8.
199	25/09/2021 5017.52692		5.505.438	77.522.739	684107.250921.133104.CTY HNT TT HD 0007428 0007446 NGOC THOM
200	25/09/2021 9403.0012468207	22.000		77.500.739	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
201	25/09/2021 9704.0012468207		154.195	77.654.934	INTEREST PAYMENT
202	27/09/2021 5009.41966		1.735.179.233	1.812.834.167	SHGD:10001881.DD:210927.BO:WINC OMMERCE JSC.Remark:AK05002000115889 VCM TTTTST CHO NCC2003606
203	27/09/2021 5058.10913	636.625.022		1.176.209.145	IBVCB.2709210178674001.THANH TOAN TIEN HANG THANG 7.
204	27/09/2021 5056.26153	200.007.700		976.201.445	IBVCB.2709210377392002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
205	27/09/2021 9908.15830	10.195.916		966.005.529	THU NO TK VAY 1021729065
206	27/09/2021 9908.76866	5.681.846		960.323.683	THU NO TK VAY 1022607762
207	27/09/2021 9908.79740	7.408.219		952.915.464	THU NO TK VAY 1021767665
208	27/09/2021 9908.67585	8.703.959		944.211.505	THU NO TK VAY 1021009219

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

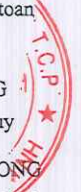
Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
209	27/09/2021 9908.67776	7.087.101		937.124.404	THU NO TK VAY 1021009287
210	27/09/2021 9908.28585	6.268.493		930.855.911	THU NO TK VAY 1022042603
211	27/09/2021 9908.35172	12.536.987		918.318.924	THU NO TK VAY 1020747996
212	27/09/2021 9908.55836	16.526.027		901.792.897	THU NO TK VAY 1020779206
213	27/09/2021 9908.18821	11.397.260		890.395.637	THU NO TK VAY 1019630316
214	27/09/2021 9908.90838	6.322.431		884.073.206	THU NO TK VAY 1021657530
215	29/09/2021 5017.26742		8.423.690	892.496.896	559919.290921.154110.MEKONG THANH TOAN CONG NO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
216	30/09/2021 5017.34321		1.052.037	893.548.933	330484.300921.095754.CTY HNT TT HD 0007930 NGOC THOM
217	30/09/2021 5009.19062		19.434.877	912.983.810	SHGD:10001372.DD:210930.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90017005820B1SC 090017005820B1SC0 ChargeDetails OUR
218	01/10/2021 5009.12011		64.789.749	977.773.559	SHGD:10003461.DD:211001.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040621093039890)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0006976,0006975,0006887,0006855,0006 858,0006856,0006859,0006392,0006605,0 006399,0006391,0006545,0006544,00065 53,0006396,0006401 (NHH: VIET
219	01/10/2021 5009.12265		19.780.900	997.554.459	SHGD:10000193.DD:211001.BO:CTY TNHH KD TM VA DV SUNSHINE MART.Remark:--THANH TOAN TIEN HANG T8/21(HD6228,6341,6390,6844,6851,694 5,7003).BU TRU XUAT TRA HD3222:76.735D-
220	03/10/2021 5056.26491	100.007.700		897.546.759	IBVCB.0310210310090001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
221	04/10/2021 10.163	2.289.200		895.257.559	CHUYEN KHOAN04/10/2021+USD43,022.14+Fee :USD100.14+PMT INV DD 19 AUG 2021 FOR CTR AQ 20 DD 07 JUN 2021 +F/O:AGRO QUEEN SP. Z O. O. UL PODJAZD 1/2, 81-805 SOPOT POLAND , Phi:USD 91.04, NoiDung:PMT INV DD 19 AUG 2021 FOR CTR AQ 20 DD 07 JUN 2021
222	05/10/2021 5056.54560	250.007.700		645.249.859	IBVCB.0510210292148001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy

Postal address:  
193 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
223	05/10/2021 5009.37787		148.061.972	793.311.831	SHGD:10002107.DD:211005.BO:CONG TY TNHH DỊCH VỤ EB.Remark:AC/20E.AC/20E.AC/20E.62 29.6209.6206.6256.6255.6248.6199.6201. 6205.6200.6210.6426.6424.6430.6425.619 7.6203.6202.6198.6204.6253.6208.6573.6 440.6429.6435.6571.6432.6431.6574.6447 .6243.6242.6606.6572.65
224	07/10/2021 14.44	11.000		793.300.831	CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN BT 071021.0014.0042
225	07/10/2021 5056.24983	640.007.700		153.293.131	IBVCB.0710210098766001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
226	08/10/2021 5101.10179		2.106.501	155.399.632	Sender:79305001.DD:081021.SHGD:100 01673.BO:CTY TNHH THƯƠNG MẠI GIAO NHAN VAN TAI HNT.CTY HNT TT HD 0008262 NGOC THOM
227	08/10/2021 44.243		4.509.867	159.909.499	CT TNHH TM-DV-XNK THUC PHAM HUNG THINH // CH PHUOC BINH THANH TOAN TIEN HANG HOA THEO HD 8143 NGYA 04.10.21 NGOCTHOM
228	09/10/2021 5056.58561		300.000.000	459.909.499	IBVCB.0910210297028001.thanh toan tien hang thang 9.
229	09/10/2021 5056.58571	250.007.700		209.901.799	IBVCB.0910210051836001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
230	09/10/2021 9915.5343	55.000		209.846.799	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHỦ ĐÓNG THANG 09/2021. SDT: 0909097925. So tien 55000 VND
231	10/10/2021 5058.67380	42.421.082		167.425.717	IBVCB.1010210817906001.THANH TOAN HD SO 187
232	10/10/2021 5058.67392	37.858.462		129.567.255	IBVCB.1010210858690002.THANH TOAN HD SO 1314
233	10/10/2021 5058.67396	39.004.882		90.562.373	IBVCB.1010210179042003.THANH TOAN HD SO 432
234	11/10/2021 5009.46205		21.772.264	112.334.637	SHGD:10008142.DD:211011.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90153005820B2SC 090153005820B2SC0 ChargeDetails OUR
235	11/10/2021 5009.47571		870.449	113.205.086	SHGD:10004239.DD:211011.BO:CTY TNHH THƯƠNG MẠI GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 0008347 - NGOC THOM
236	11/10/2021 5058.73859	20.020.900		93.184.186	IBVCB.1110210877376001.CTY NGOC THOM TT CUOC CONT cho MEDURI077484
237	12/10/2021 5130.44093		1.010.248	94.194.434	/Ref:P13988113926{/}/B/O:RECESS COMPANY LIMITED, VN33W33 V4P-21-040



Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
238	13/10/2021 5009.64959		11.419.212	105.613.646	SHGD:17211513.DD:211013.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD 426, TT HD 3522, 3945, 4616
239	14/10/2021 5056.37309	50.007.700		55.605.946	IBVCB.1410210791624001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
240	14/10/2021 5058.37318	4.516.007		51.089.939	IBVCB.1410211045976002.NGOC THOM TT PHI VAN CHUYEN T8:HD3598
241	14/10/2021 5056.37320	4.979.095		46.110.844	IBVCB.1410210924784003.TT HD SO 1568-2482-2483
242	14/10/2021 5056.37327	5.728.140		40.382.704	IBVCB.1410210711216004.TT T8 HD SO 0003062
243	14/10/2021 5211.66468		29.248.859	69.631.563	0200888899101413573220210001932272. 66468.135732.TT tien cong no T07 08 2021 theo HD 906 909 940 453 457 459 689 690
244	15/10/2021 5056.59667	60.007.700		9.623.863	IBVCB.1510210995278001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
245	15/10/2021 5009.87920		1.408.904.827	1.418.528.690	SHGD:10021091.DD:211015.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0113215 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
246	15/10/2021 5009.87951		3.040.187.342	4.458.716.032	SHGD:10021950.DD:211015.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0124482 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
247	15/10/2021 5056.72037	500.007.700		3.958.708.332	IBVCB.1510210058350002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
248	15/10/2021 5058.72800	885.200.126		3.073.508.206	IBVCB.1510210627014003.TT HD SO 0000818
249	15/10/2021 5058.74187	1.000.297.000		2.073.211.206	IBVCB.1510210987302004.TT CHO HD SO 1108/2021/HDNT
250	15/10/2021 14.96	2.006.410.959		66.800.247	TRANSFERCT NGOC THOM PAY OFF TK VAY 1019630316
251	18/10/2021 10.108	11.000		66.789.247	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 17 NGÀY 18.10.2021
252	18/10/2021 5056.19338		900.000.000	966.789.247	IBVCB.1810210125670002.thanh toan tien hang thang 9/2021.
253	18/10/2021 5056.20359	600.007.700		366.781.547	IBVCB.1810210015770001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
254	18/10/2021 5056.27779	84.746.200		282.035.347	IBVCB.1810210222568002.tat toan cong no.
255	18/10/2021 5058.33099	247.263.351		34.771.996	IBVCB.1810210278282003.TAT TOAN CONG NO.

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
256	18/10/2021 5058.32789	15.104.220		19.667.776	IBVCB.1810210961266004.TAT TOAN CONG NO.
257	20/10/2021 5058.74319	15.580.900		4.086.876	IBVCB.2010210196566001.TT MST 0309391503
258	20/10/2021 5017.17812		6.022.863	10.109.739	625132.201021.172324.MEKONG THANH TOAN CONG NO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
259	20/10/2021 5056.97500		17.599.295	27.709.034	IBVCB.2010210302932006.Win mart tt den 26.6.2021
260	21/10/2021 9920.21		699.809.186	727.518.220	IBVCB.202110215087006833.21.2120389 6-THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 19/10/2021
261	22/10/2021 5056.18696	300.007.700		427.510.520	IBVCB.2210210618482001.thanh toan tien hang thang 9.
262	25/10/2021 5056.77493	300.007.700		127.502.820	IBVCB.2510210054344001.thanh toan tien hang thang 9/2021
263	25/10/2021 5017.39715		5.775.479	133.278.299	272966.251021.155912.CTY TNHH GRELI TT HD SO 40461 49825 49826 664 665 CHO CTY NGOC THOM
264	25/10/2021 5130.47293		198.808.626	332.086.925	/Ref:PATTM10YX73{}/Ref:PATTM1 0YX73{}/TT VNM10YX73 N BATCH:M2A1-24.10.2021PAYMENT:8 117000048218VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
265	25/10/2021 9404.0012468207	22.000		332.064.925	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
266	25/10/2021 9705.0012468207		67.711	332.132.636	INTEREST PAYMENT
267	26/10/2021 5009.32811		20.000.000	352.132.636	SHGD:10000500.DD:211026.BO:CT TNHH MSC VIET NAM.Remark:MEDURI077484
268	26/10/2021 5130.69704		349.118	352.481.754	/Ref:P14079313934{}/B/O:RECESS COMPANY LIMITED, VN33W33 V4P-21-042
269	26/10/2021 5058.3940	39.321.400		313.160.354	IBVCB.2610210125690001.THANH TOAN TIEN HANG CHO KHANH TOAN
270	26/10/2021 9908.47478	4.445.896		308.714.458	THU NO TKV 1023346232
271	26/10/2021 9908.11591	9.240.048		299.474.410	THU NO TK VAY 1021729065
272	26/10/2021 9908.48602	6.713.699		292.760.711	THU NO TK VAY 1021767665
273	26/10/2021 9908.67491	5.680.822		287.079.889	THU NO TK VAY 1022042603
274	26/10/2021 9908.40133	3.287.671		283.792.218	THU NO TKV 1023650601
275	26/10/2021 9908.14385	4.247.671		279.544.547	THU NO TKV 1023416140

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
276	26/10/2021 9908.70754	11.361.644		268.182.903	THU NO TK VAY 1020747996
277	26/10/2021 9908.44154	14.976.712		253.206.191	THU NO TK VAY 1020779206
278	26/10/2021 9908.13337	4.224.962		248.981.229	THU NO TK VAY 1022607762
279	26/10/2021 9908.49824	5.729.703		243.251.526	THU NO TK VAY 1021657530
280	26/10/2021 9908.69490	7.887.964		235.363.562	THU NO TK VAY 1021009219
281	26/10/2021 9908.69667	6.422.685		228.940.877	THU NO TK VAY 1021009287
282	28/10/2021 5009.94467		13.183.720	242.124.597	SHGD:10000879.DD:211028.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90067005820B1SC 090067005820B1SC0 ChargeDetails OUR
283	29/10/2021 5056.70142	200.007.700		42.116.897	IBVCB.2910210841744001.thanh toan tien hang thang 9.
284	29/10/2021 5009.45691		11.549.710	53.666.607	SHGD:10000333.DD:211029.BO:CTY TNHH KD TM VA DV SUNSHINE MART.Remark:--TRA TIEN HANG T9/2021 (HD 0007270, 0007018, 0007287, 0007372, 0007454, 0007787)-
285	29/10/2021 5009.30307		21.880.445	75.547.052	SHGD:10023886.DD:211029.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTH theo bang ke chi tiet ngay 29.10.2021 (Ma NCC : 50904)
286	29/10/2021 5017.16639		6.548.630	82.095.682	658848.291021.160502.Thanh toan tien mua NVL bep T03 2021 - NGOC THOM - HD 48396
287	30/10/2021 5017.82342		1.677.176	83.772.858	754211.301021.130950.CTY HNT TT HD 0000157 NGOC THOM
288	31/10/2021 5056.35386	23.519.100		60.253.758	IBVCB.3110210982614001.TT HD SO 0001663
289	01/11/2021 5009.41461		22.407.629	82.661.387	SHGD:10016380.DD:211101.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040621110194889)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0007421,0007929,0007928,0007289,0007 425,0007415,0007414,0007062 (NHH: VIETCOM BANK KY DONG-)
290	02/11/2021 5056.72870		50.000.000	132.661.387	IBVCB.0211210554248001.thanh toan tien hang thang 9/2021.
291	02/11/2021 1.28	92.095.328		40.566.059	CHUYEN KHOAN+BHXH+103+00+TU1428U+07 903+dong BHXH+/ CTY TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
292	03/11/2021 5009.11817		5.823.431	46.389.490	SHGD:17476351.DD:211103.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD-426, TTHD 8236
293	03/11/2021 5056.13264	40.007.700		6.381.790	IBVCB.0311210512854001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
294	04/11/2021 10.79	11.000		6.370.790	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN NGAY 04.11.2021
295	04/11/2021 5056.28356		1.000.000.000	1.006.370.790	IBVCB.0411210988186001.THANH TOAN TIEN HANG T9 CHO NGOC THOM
296	04/11/2021 5056.29746	600.007.700		406.363.090	IBVCB.0411210292514001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
297	04/11/2021 5056.38927		350.000.000	756.363.090	IBVCB.0411210908048009.THANH TOAN TIEN HANG THANG 9/2021.
298	05/11/2021 5056.54204	700.007.700		56.355.390	IBVCB.0511210635560001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
299	05/11/2021 5130.14046		10.009.241	66.364.631	/Ref:PA_TTM110HAC {//}/Ref:PA_TTM110HAC{//}TT VNM110HAC N 0009819.0007916.0008869.7193.7194.722 1.7388.7410.0044090.CK T09/2021 DVC:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
300	05/11/2021 5009.5683		53.290.622	119.655.253	SHGD:10011180.DD:211105.BO:CONG TY CỔ PHẦN INTIMEX DA NANG.Remark:INTIMEX PDP DA NANG TT
301	06/11/2021 9915.71695	55.000		119.600.253	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 10/2021. SDT: 0909097925. So tien 55000 VND
302	06/11/2021 9915.71696	55.000		119.545.253	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 10/2021. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND
303	08/11/2021 5017.89487		722.207	120.267.460	289855.081121.092212.CTY HNT TT HD 0001066 NGOC THOM
304	09/11/2021 5017.63838		2.901.388	123.168.848	281187.091121.100618.Cty mot ba sau tt hoa don 33004
305	09/11/2021 5058.40187	1.300.900		121.867.948	IBVCB.0911210893366001.TT HOA DON SO 0076889
306	10/11/2021 5017.94127		697.882	122.565.830	350425.101121.094529.CTY HNT TT HD 0001129 CAN TRU HD TRA HANG HD 0004905 NGOC THOM
307	10/11/2021 5058.74433	59.695.900		62.869.930	IBVCB.1011210407788001.THANH TOAN 50% DAT HOP TET

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV/VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
308	10/11/2021 5130.13632		383.450.613	446.320.543	/Ref:PATTM110ZF4{/}/Ref:PATTM110ZF4{/}TT VNM110ZF4 N BATCH:M2.3-A1-10.11.2021PAYMENT:8117000048427VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
309	10/11/2021 9920.46		1.917.586	448.238.129	//SAL2021314S007000130009//61.48 B O CT PP SANH DIEU TT LS1474 TT INV 8 9 2021
310	11/11/2021 10.11	11.000		448.227.129	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 02 NGAY 11.11.2021
311	11/11/2021 5056.95602		900.000.000	1.348.227.129	IBVCB.1111210233916001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
312	11/11/2021 5056.97163	300.007.700		1.048.219.429	IBVCB.1111210931152001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
313	11/11/2021 5058.97302	322.785.551		725.433.878	IBVCB.1111210089264002.THANH TOAN SO CON LAI HD SO 0000841
314	11/11/2021 5058.8151	67.694.550		657.739.328	IBVCB.1111211027134003.THANH TOAN HD SO 0000203
315	13/11/2021 5056.47204	350.007.700		307.731.628	IBVCB.1311210894390001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
316	15/11/2021 5130.33564		31.857.584	339.589.212	/Ref:PA_TTM111GUC{/}/Ref:PA_TTM111GUC{/}TT VNM111GUC N 7450.7791.7921.7922.7988.7987.7919.7920.8002.8001.8165.8164 DVC:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS
317	15/11/2021 5056.83627	4.285.976		335.303.236	IBVCB.1511210178694001.TT HD SO 2558 VA SO 2559 CUA A BA
318	15/11/2021 5009.3634		2.420.058.391	2.755.361.627	SHGD:10050831.DD:211115.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK05002000138170 WINCOMMERCE THST L1 NCC 2003606
319	15/11/2021 5009.4038		3.014.741.393	5.770.103.020	SHGD:10049792.DD:211115.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK05002000138169 WINCOMMERCE TTTTHST CHO NCC 2003606
320	15/11/2021 5058.1882	55.798.424		5.714.304.596	IBVCB.1511210267446002.THANH TOAN HD SO 0001419
321	15/11/2021 5058.2831	260.542.983		5.453.761.613	IBVCB.1511210217454003.THANH TOAN TIEN HANG ..
322	16/11/2021 5058.6106	129.865.675		5.323.895.938	IBVCB.1611210270318001.THANH TOAN KHANH TOAN THANG 10

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
323	16/11/2021 5058.6151	861.333.340		4.462.562.598	IBVCB.1611210221102002.THANH TOAN HD SO 0000882
324	16/11/2021 10.54	2.208.227.397		2.254.335.201	TRANSFERTAT TOAN TKV 1020747996
325	16/11/2021 5017.64424		2.788.818	2.257.124.019	625869.161121.111601.G.Fresh: CP Tien hang T10/21 cho Cty Ngoc Thom cua cac cua hang
326	16/11/2021 5058.15217	24.600.772		2.232.523.247	IBVCB.1611210686106003.THANH TOAN HD SO 0000774
327	16/11/2021 5056.20827	500.007.700		1.732.515.547	IBVCB.1611210731478004.THANH TOAN TIEN HANG THANG 10/2021
328	17/11/2021 5009.40940		1.706.129	1.734.221.676	SHGD:17092540.DD:211117.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD426, TTHD 0008548
329	17/11/2021 5009.71850		87.945.517	1.822.167.193	SHGD:17112090.DD:211117.BO:CN TCTy TMSG-TNHH MTV-TTđH CHTL SATRAFOODS.Remark:SATRAFOOD S TT TIEN HANG THEO T6.2021 LAN 2 CHO CTY NGOC THOM (VD 426) PHI TRONG
330	18/11/2021 5017.17431		30.086.915	1.852.254.108	227852.181121.092725.Wowmart tt cong no Ngoc Thom FT21322729471700
331	19/11/2021 5056.87276	300.007.700		1.552.246.408	IBVCB.1911210553900001.thanh toan cho cty thu hang tien hang
332	19/11/2021 5056.99108	450.007.700		1.102.238.708	IBVCB.1911210787098002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
333	19/11/2021 5056.305	400.007.700		702.231.008	IBVCB.1911210421048003.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
334	19/11/2021 9920.69		2.463.118	704.694.126	//SAL2021323S007000130017//61.62 B O CT PP SANH DIEU LS1474 TT INV 9 10 2021
335	22/11/2021 10.81	11.000		704.683.126	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 03 NGÀY 22.11.2021
336	22/11/2021 5056.45692		4.130.000.000	4.834.683.126	IBVCB.2211210571646001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
337	22/11/2021 5056.53733	4.800.007.700		34.675.426	IBVCB.2211210261732001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
338	22/11/2021 5017.39783		85.359.242	120.034.668	741206.221121.154635.jmart thanh toan don t7 t8 cho ngoc thom tru ck 3300537
339	22/11/2021 9920.7		1.408.229.508	1.528.264.176	IBVCB.202111225087024687.7.21204587 -THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGÀY 19/11/2021
340	22/11/2021 7.314		3.913.118	1.532.177.294	TTTM SATRA CU CHI TT NGOC THOM VD 426

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
341	22/11/2021 5065.36855	962.451.501		569.725.793	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgàyNT:22112021+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1054219+LThu:01(C:754-TM:1701-KT: 00/10/2021-ST:962451501-GChu:Nop tien thue GTGT thang 10/2021)
342	23/11/2021 5009.90794		6.772.385	576.498.178	SHGD:10003379.DD:211123.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBL51474 - TT INV 9,10/2021
343	23/11/2021 5056.95359	100.007.700		476.490.478	IBVCB.2311210142410001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
344	24/11/2021 5058.97967	13.770.900		462.719.578	IBVCB.2411210106284001.THANH TOAN CTY CON DUONG XANH-TUI
345	24/11/2021 5130.46038		35.726.914	498.446.492	/Ref:PATTM112RHX {/}/Ref:PATTM112RHX{/}/TT VNM112RHX N BATCH:M2A1-24.11.2021PAYMENT:8 217000054931VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
346	24/11/2021 4.131	365.739.807		132.706.685	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM//TTHD SO QA 35 N13.09.2021
347	25/11/2021 5017.16200		1.277.298	133.983.983	613047.251121.112006.CTY HNT TT HD 0002165 NGOC THOM
348	25/11/2021 5017.16343		848.618	134.832.601	613286.251121.112011.CTY HNT TT HD 0002093 NGOC THOM
349	25/11/2021 14.25	1.431.126		133.401.475	CHUYEN KHOAN25/11/2021+USD16,051.78+Fee :USD62.81+ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 35 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O , Phi:USD 57.10, NoiDung:ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 35
350	25/11/2021 5009.41921		123.000.348	256.401.823	SHGD:10001795.DD:211125.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN OCT 21
351	25/11/2021 5058.35012	10.494.960		245.906.863	IBVCB.2511210580388001.TT HD SO 0001274
352	25/11/2021 5009.54773		3.446.615.274	3.692.522.137	SHGD:10024336.DD:211125.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0142715 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
353	25/11/2021 5009.55325		5.273.341.887	8.965.864.024	SHGD:10024255.DD:2111125.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0142716 WINCOMMERCE THSTL1 NCC 2003606
354	25/11/2021 14.236	2.915.493.151		6.050.370.873	TRANSFERCTY NGOC THOM PAYOFF TK VAY 1020779206
355	25/11/2021 14.240	1.250.294.158		4.800.076.715	TRANSFERCTY NGOC THOM PAYOFF TK VAY 1021009287
356	25/11/2021 9410.0012468207	22.000		4.800.054.715	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
357	25/11/2021 9711.0012468207		105.633	4.800.160.348	INTEREST PAYMENT
358	26/11/2021 5058.47948	400.834.327		4.399.326.021	IBVCB.2611210260964001.THANH TOAN TIEN HANG CON LAI CHO CTY DUC PHONG
359	26/11/2021 5.16	462.218.625		3.937.107.396	CTY NGOC THOM MUA 20.295 USD TT HD AQ38 NG 24.11.21
360	26/11/2021 5058.50191	739.346.120		3.197.761.276	IBVCB.2611210701904002.THANH TOAN HD SO 0000892
361	26/11/2021 5056.50370	1.150.007.700		2.047.753.576	IBVCB.2611210777456003.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
362	26/11/2021 5056.61732	1.800.007.700		247.745.876	IBVCB.2611210330478004.thanh toan tien hang cho THU HANG.
363	26/11/2021 5009.81621		13.428.898	261.174.774	SHGD:10028302.DD:2111126.BO:CTY CP SAI GON HD.Remark:CTCP SG HD (ST.Genshai) TTTH theo bang ke chi tiet ngay 26.11.2021 (Ma NCC : 50904)
364	26/11/2021 5009.91253		56.698.604	317.873.378	SHGD:10014071.DD:2111126.BO:CTY TNHH USMART.Remark:Usmart thanh toan cong no-NGUOI NHAN CHIU PHI
365	26/11/2021 10.263	1.643.216		316.230.162	CHUYEN KHOAN26/11/2021+USD20,295.00+Fee :USD72.15+ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 38 DATE 24NOV2021 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O 81-805 SOPOT POLAND, Phi:USD 65.59, NoiDung:ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 38 DATE 24NOV2021
366	26/11/2021 9908.29277	12.205.479		304.024.683	THU NO TKV 1024125266
367	26/11/2021 9908.65757	8.431.960		295.592.723	THU NO TK VAY 1021009219
368	26/11/2021 9908.7800	4.516.338		291.076.385	THU NO TK VAY 1022607762
369	26/11/2021 9908.22255	6.124.855		284.951.530	THU NO TK VAY 1021657530
370	26/11/2021 9908.78735	6.264.672		278.686.858	THU NO TKV 1023346232

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
371	26/11/2021 9908.88287	6.072.603		272.614.255	THU NO TK VAY 1022042603
372	26/11/2021 9908.51267	12.739.726		259.874.529	THU NO TKV 1023650601
373	26/11/2021 9908.56788	9.877.293		249.997.236	THU NO TK VAY 1021729065
374	26/11/2021 9908.50332	7.176.712		242.820.524	THU NO TK VAY 1021767665
375	26/11/2021 9908.18853	6.930.411		235.890.113	THU NO TKV 1023416140
376	26/11/2021 9908.36653	3.698.630		232.191.483	THU NO TKV 1024276691
377	29/11/2021 5056.13123		32.877.290	265.068.773	IBVCB.2911210421418009.Epco Store thanh toan cong no cho Ngoc Thom
378	29/11/2021 5017.39854		10.350.584	275.419.357	767081.291121.153606.MEKONG THANH TOAN CONG NO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
379	29/11/2021 5057.47560	87.459.927		187.959.430	IBVCB.2911210758206001.+BHXH+103 +00+TU1428U+07903+Dong BHXH+
380	30/11/2021 5056.30210	100.007.700		87.951.730	IBVCB.3011210005498001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
381	30/11/2021 5009.43700		8.880.281	96.832.011	SHGD:10000534.DD:211130.BO:CTY TNHH MTV THUC PHAM SAI GON SONG NGUYEN.Remark:HBCTY SONG NGUYEN TT TIEN HANG CTY NGOC THOM HD 42501, 46317, 1597, 2464
382	30/11/2021 10.72	11.000		96.821.011	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN NGAY 30.11.2021
383	30/11/2021 5056.40401		600.000.000	696.821.011	IBVCB.3011210174018002.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
384	30/11/2021 5009.19791		36.876.225	733.697.236	SHGD:10001339.DD:211130.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90030005820B1SC 090030005820B1SC0 ChargeDetails OUR
385	30/11/2021 5009.99744		51.577.292	785.274.528	SHGD:10017160.DD:211130.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040621113080691)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0361705 (NHH: VIETCOMBANK KY DONG-)
386	01/12/2021 5056.71046		200.000.000	985.274.528	IBVCB.0112210583124001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
387	01/12/2021 5058.71225	500.148.500		485.126.028	IBVCB.0112210504776001.DAT COC CTY KIM VIET HD SO 01-2021/HDMK/KV-NT
388	01/12/2021 5056.79190		100.000.000	585.126.028	IBVCB.0112210910058006.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
389	01/12/2021 5056.79222	120.007.700		465.118.328	IBVCB.0112210707678002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
390	01/12/2021 5009.3385		43.422.886	508.541.214	SHGD:10000876.DD:211201.BO:CTY TNHH MTV THUC PHAM SAI GON BAO MINH.Remark:--BAO MINH TT NCC NGOC THOM CONG NO T6-10/2021-
391	01/12/2021 4.206	390.949.258		117.591.956	CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM// TT THEO HD SO QA 35 N13.09.2021
392	01/12/2021 11.218	1.487.440		116.104.516	CHUYEN KHOAN01/12/2021+USD17,139.38+Fee :USD65.21+ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 35 +F/O:AGRO QUEEN SP.ZO.O , Phi:USD 59.28, Nội Dung:ADVANCE PAYMENT OF CONT NO AQ 35
393	02/12/2021 5009.32612		14.104.186	130.208.702	SHGD:10003625.DD:211202.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOI.Remark:HBSANH DIEU HN THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM HD7189/88/7453/7393/7172
394	02/12/2021 5009.32655		137.829.099	268.037.801	SHGD:17570113.DD:211202.BO:CN TCTy TMSG-TNHH MTV-TT&H CHTL SATRAFOODS.Remark:SATRAFOOD S TT TIEN HANG THEO T 7,8,9.2021 CHO CTY TNHH MTV TM VA DỊCH VU NGOC THOM VD 426 PHI TRONG
395	03/12/2021 5056.16675	150.007.700		118.030.101	IBVCB.0312210087282001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
396	03/12/2021 10.52	11.000		118.019.101	CHUYEN KHOANTHU PHI CT GIAI NGAN THEO GNN SO 05 NGÀY 03.12.2021
397	03/12/2021 5056.32874		700.000.000	818.019.101	IBVCB.0312210405922001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM
398	04/12/2021 5017.10846		941.790	818.960.891	493795.041221.110524.CTY HNT TT HD 0003070 NGOC THOM
399	04/12/2021 5017.76048		14.060.184	833.021.075	224840.041221.115136.Wowmart tt cong no Ngoc Thom FT21338153711497
400	05/12/2021 5056.53844	450.007.700		383.013.375	IBVCB.0512210211388001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
401	06/12/2021 5056.73299	200.007.700		183.005.675	IBVCB.0612210484106001.thanh toan tien hang cho THU HANG.

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
402	06/12/2021 5009.67164		4.491.311	187.496.986	SHGD:10000627.DD:211206.BO:CTY TNHH KD TM VA DV SUNSHINE MART.Remark:--TRA TIEN HANG T10/2021 (HD 0008410,0000054)-
403	06/12/2021 5009.98717		165.942.810	353.439.796	SHGD:10002315.DD:211206.BO:CT TNHH DỊCH VỤ EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM1149IG N AC/20E.AC/20E.AC/20E.8067.8169.817 0.8173.8178.8162.8179.8163.8161.8172.8 171.8334.8158.8074.8167.8174.8210.8483 .8083.8491.82 39.8168.8160.8159 TK DVH TAI VC
404	07/12/2021 5056.13648	100.007.700		253.432.096	IBVCB.0712210700160001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
405	07/12/2021 5009.38623		4.697.633	258.129.729	SHGD:17728998.DD:211207.BO:CN TCTY TM SG-TNHH MTV-Sieu Thi Sai Gon.Remark:VD 426, TTHD 00123,00491
406	07/12/2021 5058.19289	35.306.772		222.822.957	IBVCB.0712210822676002.THANH TOAN HD SO 0000221
407	09/12/2021 5009.24150		762.537	223.585.494	SHGD:10000306.DD:211209.BO:CTY TNHH THUONG MAI GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 0003575 - NGOC THOM
408	09/12/2021 5058.68067	90.378.400		133.207.094	IBVCB.0912210081398001.THANH TOAN KHANH TOAN THANG 11-2021
409	09/12/2021 5058.73373	31.785.942		101.421.152	IBVCB.0912210682628002.THANH TOAN HD SO 0001337
410	09/12/2021 5056.76565	100.007.700		1.413.452	IBVCB.0912210678996003.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
411	10/12/2021 14.46	11.000		1.402.452	CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN BT 10.12.21.0014.41 - GNN SO 06 - CONG TY TNHH MTV TM&DV NGOC THOM
412	10/12/2021 5056.84548		900.000.000	901.402.452	IBVCB.1012210917338001.THU HANG THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM.
413	10/12/2021 5056.84821	850.007.700		51.394.752	IBVCB.1012210211758001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
414	10/12/2021 5130.34247		10.652.202	62.046.954	/Ref:PATTM1152AM {//}/Ref:PATTM1152AM{//}TT VNM1152AM N BATCH:M2.3-A2-10.12.2021PAYMEN T:8117000049069VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
415	10/12/2021 5130.34307		267.092.592	329.139.546	/Ref:PATTM1152L0{/}/Ref:PATTM1 152L0{/}/TT VNM1152L0 N BATCH:M2.3-A1-10.12.2021PAYMEN T:8117000049034VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
416	10/12/2021 5058.16319	52.231.577		276.907.969	IBVCB.1012210773644002.THANH TOAN HD SO 0000631
417	10/12/2021 5058.18522	45.808.037		231.099.932	IBVCB.1012210078820003.THANH TOAN HD SO 0001654
418	11/12/2021 9915.95641	55.000		231.044.932	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐÔNG THANG 11/2021. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND
419	11/12/2021 5058.26601	3.341.252		227.703.680	IBVCB.1112210384930001.THANH TOAN HD SO 0002695 VA 0002694
420	13/12/2021 5017.4408		1.884.669	229.588.349	585918.131221.105220.CTY HNT TT HD 0006898 NGOC THOM
421	13/12/2021 5056.41029	277.126		229.311.223	IBVCB.1312210705226001.thanh toan HD số 0003755
422	13/12/2021 5056.40762	19.439.923		209.871.300	IBVCB.1312210223194002.thanh toan HD số 0004231 và 0004668
423	13/12/2021 5058.42558	7.948.729		201.922.571	IBVCB.1312210857818003.THANH TOAN HD SO 0002642 VA 0002550
424	13/12/2021 5009.19044		32.012.903	233.935.474	SHGD:10000801.DD:211213.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90205005820B2SC 090205005820B2SC0 ChargeDetails OUR
425	14/12/2021 5130.32283		499.666	234.435.140	/Ref:P14387614284{/}/B/O:RECESS COMPANY LIMITED, VN33W33 V4P-21-049
426	14/12/2021 5009.96414		2.752.770	237.187.910	SHGD:10003303.DD:211214.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:LS1474 - TT INV 234, 9987
427	14/12/2021 5017.75409		3.750.498	240.938.408	913346.141221.160004.G.Fresh: TT tiền hàng T11/2021 từ CTY NGOC THOM tại cửa hàng Le Hong Phong
428	14/12/2021 9920.81		3.168.205	244.106.613	//SAL2021348S007005546006//258.20 24 141221 PP SANH DIEU TT TIEN HANG LS1474 TT INV 9 10 2021
429	15/12/2021 5056.98338	200.007.700		44.098.913	IBVCB.1512210932716001.DANG XUAN NGOC rút tiền mặt nhập quỹ

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
430	15/12/2021 5009.81090		108.215.820	152.314.733	SHGD:10007427.DD:211215.BO:CT TNHH DICH VU EB/EB SERVICES COMPANY LIMITED/EBS.Remark:TT VNM115IFV N 9501.9555.248.82.81.249.042.174.177.35. 48.0043.53.176.46.051.260.40.218.50.048 9.226.219.52.44.251.255.498.250.49.259.2 52.25 4.253.258.256.257 TK DVH TAI VC
431	15/12/2021 5009.19435		743.869.666	896.184.399	SHGD:10024354.DD:211215.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0154088 WINCOMMERCE THSTL2 NCC 2003606
432	15/12/2021 5009.19477		3.091.854.514	3.988.038.913	SHGD:10024941.DD:211215.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0154086 WINCOMMERCE TTHST CHO NCC 2003606
433	15/12/2021 5009.19481		2.223.157.003	6.211.195.916	SHGD:10024925.DD:211215.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0154090 WINCOMMERCE THSTL4 NCC 2003606
434	15/12/2021 5009.19485		1.980.076.521	8.191.272.437	SHGD:10024534.DD:211215.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0154087 WINCOMMERCE THSTL1 NCC 2003606
435	15/12/2021 5009.19638		262.881.693	8.454.154.130	SHGD:10024508.DD:211215.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0154091 WINCOMMERCE THSTL5 NCC 2003606
436	15/12/2021 5009.19646		264.551.455	8.718.705.585	SHGD:10024542.DD:211215.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0154089 WINCOMMERCE THSTL3 NCC 2003606
437	16/12/2021 10.34	1.532.817.475		7.185.888.110	TRANSFERTAT TOAN TKV 1021009219
438	16/12/2021 10.38	1.113.416.614		6.072.471.496	TRANSFERTAT TOAN TKV 1021657530
439	16/12/2021 10.42	1.795.559.517		4.276.911.979	TRANSFERTAT TOAN TKV 1021729065
440	16/12/2021 5017.40529		474.015	4.277.385.994	643075.161221.111113.CTY HNT TT HD 0004365 NGOC THOM
441	16/12/2021 5058.33946	157.225.938		4.120.160.056	IBVCB.1612210324000001.THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY VINSUN GROUP

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
442	16/12/2021 5056.34099	600.007.700		3.520.152.356	IBVCB.1612210512120002.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
443	16/12/2021 5056.34159	500.007.700		3.020.144.656	IBVCB.1612210803888003.thanh toan tien hang cho THU HANG.
444	16/12/2021 5065.8567	242.679.338		2.777.465.318	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:16122021+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1054219+LThue:01(C:754-TM:1701-KT: 00/06/2021-ST:242679338-GChu:Nop thue GTGT thang 06/2021)
445	16/12/2021 5065.8569	198.133.800		2.579.331.518	NTDT+KB:0136-KBNN Thu Duc - Thanh pho Ho Chi Minh+NgayNT:16122021+MST:030939 1503+DBHC:769HH+TKNS:7111+CQT: 1054219+LThue:01(C:754-TM:1701-KT: 00/07/2021-ST:198133800-GChu:Nop thue GTGT thang 7/2021)
446	16/12/2021 5017.36681		17.730.320	2.597.061.838	844993.161221.152642.NHAT MINH CK-161221-15:30:29 844993
447	17/12/2021 33.70		2.539.091	2.599.600.929	HUNG THINH - CH PHUOC BINH TT TIEN HANG THEO HD 4139 / 131221 NGOC THOM
448	18/12/2021 5017.60423		1.682.397	2.601.283.326	519498.181221.104123.CTY HNT TT HD 0004600 0004663 NGOC THOM
449	20/12/2021 9920.18		1.354.410.790	3.955.694.116	IBVCB.202112205087041675.18.2120517 1-THANH TOAN TIEN HANG THEO BANG KE NGAY 18/12/2021
450	20/12/2021 5058.24132	400.066.000		3.555.628.116	IBVCB.2012210304170001.THANH TOAN CTY KIM VIET HD SO 01-2021/HDMK/KV-NT
451	20/12/2021 5056.24161	2.000.007.700		1.555.620.416	IBVCB.2012210624770002.THANH TOAN TIEN HANG CTY THU HANG.
452	21/12/2021 5056.25196	500.007.700		1.055.612.716	IBVCB.2112210849782001.DANG XUAN NGOC rut tien mat nhap quy
453	21/12/2021 5009.35211		695.673	1.056.308.389	SHGD:10003405.DD:211221.BO:CONG TY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU CHI NHANH HA NOL.Remark:HBSANH DIEU HN THANH TOAN TIEN HANG CHO NGOC THOM HD8102-XTHD7368/7395
454	21/12/2021 5009.4567		3.920.560	1.060.228.949	SHGD:10002571.DD:211221.BO:CN TCT TM S.GON TNHH MTV ST S.GON.Remark:PHI TRONG, VD-426, TT HD 1370, 2105, HTQ3/21: 916.375
455	21/12/2021 5009.56924		336.446.272	1.396.675.221	SHGD:10000799.DD:211221.BO:CONG TY TNHH BAN LE BRG.Remark:1009-Brg thanh toan tien mua hang

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiêu/ Transactions in detail
456	22/12/2021 5009.64279		951.854	1.397.627.075	SHGD:10000259.DD:211222.BO:CTY TNHH THUONG MAI GIAO NHAN VAN TAI HNT.Remark:CTY HNT TT HD 0004728- NGOC THOM
457	22/12/2021 5058.62115	419.026.228		978.600.847	IBVCB.2212210148056001.THANH TOAN SO CON LAI HD SO 00000006-KIM VIET
458	22/12/2021 5056.63591	500.007.700		478.593.147	IBVCB.2212210686380002.thanh toan tien hang cho THU HANG.
459	22/12/2021 5009.48238		10.589.631	489.182.778	SHGD:10000724.DD:211222.BO:CTY TNHH KD TM VA DV SUNSHINE MART.Remark:--TRA TIEN HANG T11/2021 (HD 0000511,0001031,0001846,0002472)-
460	23/12/2021 5017.41752		11.787.534	500.970.312	865043.231221.145735.Thanh toan tien mua NVL bep T04 05 2021 - NGOC THOM - HD 286 2212
461	24/12/2021 5130.39082		185.201.527	686.171.839	/Ref:PATTM1170Q5{/}/Ref:PATTM1 170Q5{/}TT VNM1170Q5 N BATCH:M2A1-24.12.2021PAYMENT:8 517000002791VENDOR:M25790 DVC:CONG TY TNHH MM MEGA MARKET VIETNAM/MM MEGA MARKET VIETNAM CO.LTD
462	25/12/2021 5058.41465	57.749.340		628.422.499	IBVCB.2512210884452001.DAT COC 40% CTY NGOC TAM
463	25/12/2021 5056.41488	7.597.700		620.824.799	IBVCB.2512210156852002.dat coc 50% ban lam viec cty YCHI
464	25/12/2021 9403.0012468207	22.000		620.802.799	THU PHI QLTK TO CHUC-VND
465	27/12/2021 5009.76549		4.013.128	624.815.927	SHGD:10002559.DD:211227.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBL51474 - TT INV 10,11/2021
466	27/12/2021 5009.77700		3.958.070	628.773.997	SHGD:10002181.DD:211227.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBL51474 - TT INV 10,11/2021
467	27/12/2021 7.16		13.721.772	642.495.769	TTTM SATRA CU CHI TT NCC NGOC THOM VD 426
468	27/12/2021 5009.16135		97.631.353	740.127.122	SHGD:10000472.DD:211227.BO:SEVEN SYSTEM VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.Remark:PAY FOR MERCHANDISING GOODS IN NOV 21
469	27/12/2021 5056.77655		2.519.209	742.646.331	IBVCB.2712210231484002.Epcostore thanh toan tien hang theo hd so 0004749

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
470	27/12/2021 5009.22550		4.895.251	747.541.582	SHGD:10032279.DD:211227.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0160164 WINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
471	27/12/2021 5009.28003		405.297.112	1.152.838.694	SHGD:10033544.DD:211227.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0147910 WINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
472	27/12/2021 5009.28049		24.157.664	1.176.996.358	SHGD:10033766.DD:211227.BO:CTCP DVTM TONG HOP WINCOMMERCE.Remark:AK0500200 0160192 WINCOMMERCE TTTTST CHO NCC 2003606
473	27/12/2021 5017.73585		754.930	1.177.751.288	595450.271221.165216.CTY HNT TT HD 0005505 NGOC THOM
474	27/12/2021 9908.50025	6.410.959		1.171.340.329	THU NO TKV 1024758019
475	27/12/2021 9908.87737	4.516.339		1.166.823.990	THU NO TK VAY 1022607762
476	27/12/2021 9908.67428	7.176.712		1.159.647.278	THU NO TK VAY 1021767665
477	27/12/2021 9908.32044	17.198.631		1.142.448.647	THU NO TKV 1024125266
478	27/12/2021 9908.36346	8.321.918		1.134.126.729	CA - TARGET-LN
479	27/12/2021 9908.87754	6.264.672		1.127.862.057	THU NO TKV 1023346232
480	27/12/2021 9908.17894	12.739.726		1.115.122.331	THU NO TKV 1023650601
481	27/12/2021 9908.23152	6.072.602		1.109.049.729	THU NO TK VAY 1022042603
482	27/12/2021 9908.56290	5.239.726		1.103.810.003	THU NO TKV 1024905305
483	27/12/2021 9908.54075	29.486.301		1.074.323.702	THU NO TKV 1024490809
484	27/12/2021 9908.46598	7.643.836		1.066.679.866	THU NO TKV 1024276691
485	27/12/2021 9908.58850	6.930.411		1.059.749.455	THU NO TKV 1023416140
486	28/12/2021 5009.13154		110.000.000	1.169.749.455	SHGD:19527565.DD:211228.BO:Cty TNHH Det May XK Quyet Thang.Remark:CT QUYET THANG CHUYEN TIEN MAY
487	28/12/2021 5017.24011		7.254.476	1.177.003.931	886216.281221.165609.MEKONG THANH TOAN CONG NO CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM
488	29/12/2021 5009.29924		4.237.851	1.181.241.782	SHGD:10002334.DD:211229.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBL51474 - TT INV 10,11/2021

Postal address:  
198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT  
Swift : BFTV VNVX  
Website: www.vietcombank.com.vn  
Contact center: 1900.54.54.13

STT No	Ngày GD/ TNX Date Số CT/ Doc No	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
489	29/12/2021 5009.29936		2.819.206	1.184.060.988	SHGD:10002385.DD:211229.BO:CTY TNHH PHAN PHOI SANH DIEU.Remark:HBL51474 - TT INV 10,11/2021
490	30/12/2021 5009.40370		31.886.062	1.215.947.050	SHGD:10001412.DD:211230.BO:LOTTE VIETNAM SHOPPING JOINT STOCK COMPANY.Remark:90075005820B1SC 090075005820B1SC0 ChargeDetails OUR
491	31/12/2021 5009.91016		33.731.532	1.249.678.582	SHGD:10003701.DD:211231.BO:CTY CP KING FOOD MAR.Remark: (CKRmNo: 040621123018673)KING FOOD TT TIEN HANG NGOC THOM HD 0001085,0001045,0001043,0001215,0000 945,0001294,0001214,0001868,0001295,0 00185 0,0001864,0002265,0001854,0002270,000 2360,0002269,0002361 (N
492	31/12/2021 5056.29795	700.007.700		549.670.882	IBVCB.3112210378466001.thanh toan tien hang cho cty THU HANG.
493	31/12/2021 9703.0012468207		221.798	549.892.680	INTEREST PAYMENT

Tổng số:

75.845.155.676

74.739.869.308

Total

Số dư cuối kỳ:

549.892.680

Closing balance

Xác nhận của ngân hàng/

Bank's confirmation



Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của Vietcombank!  
Thank you for using Vietcombank's services!

Phạm Huỳnh Ngọc Linh

VIETCOMBANK - Chung niềm tin vững tương lai

VIETCOMBANK - Together for the future

\*\*\*\*\*

**Ghi chú:** Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

**Note:** This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.

Postal address:

198 TRAN QUANG KHAI AVENUE  
HANOI - S.R. VIETNAM

Telex : (0805) 411504 VCB - VT

Swift : BFTV VNVX

Website: www.vietcombank.com.vn

Contact center: 1900.54.54.13